

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ TRÍ TUEÀ
VÀ CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA TRÍ TUEÀ

NGUYỄN CHÍ HIẾU (*)

Nhờ chúng ta nếu biết, vàn nên phân tích, phân giải đúng đắn các nguồn lực phục vụ cho một chiến lược kinh tế- xã hội thích hợp có vai trò then chốt trong việc sử dụng hợp lý các nguồn lực ấy vào sự phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hoá hiện nay.

Theo cách phân chia phổ biến, người ta thường chia các nguồn lực cơ bản thành nguồn lực tài nhiên, nguồn lực con người và nguồn lực vốn. Nếu nhớ trước đây, người ta nâng cao vai trò của kỹ thuật, công nghệ hay của các nguồn lực tài nhiên, thì nay, nguồn lực con người được nâng cao hơn cả và nội dung coi là yếu tố quyết định tới sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá hiện nay. Bởi lẽ bản thân nguồn lực tài nhiên và các nguồn lực khác thì nó không thể tham gia vào các quá trình kinh tế- xã hội, do nó chưa thể trở thành năng lực của sự phát triển kinh tế- xã hội. Chính con người với sức lực và trí tuệ của mình, mới là nhân tố quyết định hiệu quả của việc khai thác nguồn lực tài nhiên và các nguồn lực khác.

Theo nghĩa rộng nhất, trí tuệ được hiểu là năng

lực tinh thần nên hiểu về các mối liên hệ và nhằm tìm ra các cách thức giải quyết vàn nên. Theo nghĩa hẹp, trí tuệ cũng có nội dung coi là khả năng sử dụng lý trí. Nói nôm na thì trí tuệ là không thể thiếu nội dung tri thức và tri thức gắn liền với thông tin. Tri thức và là tiền đề và là cơ sở của bản quyết định sự hình thành và phát triển của trí tuệ. Nhất là hiện nay, trong bối cảnh toàn cầu hoá người ta nâng cao biết nhận mình nên vai trò của tri thức trong “nền kinh tế tri thức”.

Sáng tạo là một nội dung quan trọng nhất của trí tuệ. Sáng tạo nội dung là sự vượt thoát khỏi cái cũ, cái cũ, khám phá ra cái mới trên cơ sở kế thừa, bổ sung và phát triển những tri thức cũ những kinh nghiệm mà chủ thể nhận thức tích lũy được. Trí tuệ không chỉ dừng lại ở năng lực tổ chức, tích lũy tri thức, mà còn phải có sự sáng tạo, phát hiện cái mới. Vì vậy, có thể nói khái niệm “trí tuệ” bao hàm bốn yếu tố gắn bó chặt chẽ với nhau: năng lực tổ chức, tri thức tích lũy được, sự sáng tạo cái mới và vận dụng các yếu tố này vào thực tế⁽¹⁾. Trí tuệ phải biến thành năng lực thực tiễn giải quyết vàn nên một cách phù hợp, linh hoạt và sáng tạo.

(*) Viện Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Đông Phương Hiệp, *Triết học và môi trường*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 51.

Theo quan niệm Marxít, trí tuệ con người được hình thành và phát triển từ việc cải tạo thế giới tự nhiên thông qua hoạt động thực tiễn. Qua quá trình hoạt động thực tiễn, các biểu hiện quá trình lao động sản xuất, thế giới được phản ánh vào bộ não người và trở thành nguồn cung cấp nguyên liệu cần thiết, vật liệu cho sự hình thành và phát triển của trí tuệ Song, sự phản ánh nội dung phải là nhất thời, gần gũi, chủ yếu và mang tính chất của quá trình phức tạp của hoạt động trí tuệ tích cực và sáng tạo.

Theo nội dung giải thích của “nhân học khai quát” trong triết học về trí tuệ như sau: “Trí tuệ là sản phẩm sáng tạo và tinh thần của con người, thể hiện qua việc huy động các hiểu biết tổng tri thức tích lũy vào quá trình sáng tạo cái mới, nhằm cải biến tự nhiên, xã hội và bản thân con người trong sự phát triển ngày càng tiến bộ và minh” (2). Trong thời đại ngày nay coi trí tuệ là một trong các hình thức hoạt động tinh thần của con người, nội dung phẩm chất và sự kết tinh của ý thức ở trình độ cao – chủ yếu là trình độ nhận thức lý tính (cao nhất là nhận thức bản chất, quy luật và năng lực phát triển của sự vật) nên nội dung của những nhận thức chung của ý thức (3). Cũng giống như ý thức, mọi quá trình trí tuệ xảy ra trong con người tất yếu phải có một cơ sở vật chất tổng hợp và nội dung là bộ não con người – một dạng vật chất phát triển cao nhất, tinh vi nhất và là cơ quan vật chất của trí tuệ Vì vậy, có thể giải thích ngắn gọn khái quát, trí tuệ chính là bộ não biết tổ chức và năng lực tổ chức của con người (4).

Theo chúng tôi, các tác giả trên vẫn chưa làm rõ được sự khác biệt rạch ròi giữa trí tuệ tinh thần, ý thức và tổ chức, nhất là giữa trí tuệ và ý thức, từ đó dẫn tới việc coi cấu trúc của trí tuệ không khác gì máy số với cấu trúc của ý thức:

cung gồm trí thức, tình cảm (hay cảm xúc), niềm tin, lý tưởng, ý chí... Trong khi nội dung phong phú, đa dạng nhiều lý thuyết nghiên cứu theo hướng tìm kiếm, xác định và “mô tả” các yếu tố của trí tuệ nên từ đó xem xét các ảnh hưởng của chúng tới trí tuệ và từ đó nguồn gốc trí tuệ của con người (5). Với lý do nội dung trong bài viết này, chúng tôi muốn nêu qua một số lý thuyết hướng tới phân tích các yếu tố của trí tuệ một cách cụ thể hơn.

Lý thuyết hai yếu tố của Spearman

Charles Spearman xây dựng lý thuyết về trí tuệ bao gồm hai yếu tố là yếu tố trung tâm (g – factor; g=general) và các yếu tố đặc thù (s – factors; s=specific). Yếu tố g bao trùm toàn bộ trí tuệ nên chung và có tính chất quyết định, các biểu hiện của nó với các nội dung lý thuyết tin, niềm tin và năng lực trí tuệ Nội dung lại, nội dung cái cho ta biết một cái nhận biết năng lực trí tuệ bình thường hay cái nhận biết là một “thiên tài”.

Trong các yếu tố này, Spearman còn trình bày tổng hợp một loạt các yếu tố trí tuệ đặc thù khác và gọi chung là các yếu tố s. Chúng là các yếu tố không phụ thuộc lẫn nhau và nếu có vai trò thấp hơn yếu tố g, nếu bỏ yếu tố g chỉ phụ thuộc vào năng lực trí tuệ của cá nhân trong tổng lĩnh vực xác định, ví dụ như năng lực giải các bài tập toán hoặc khả năng (nhảy) không gian.

Lý thuyết hai yếu tố của Cattell

Raymond Bernard Cattell gọi hai yếu tố của trí tuệ là trí tuệ “meim” và trí tuệ “kết tinh”. Trí tuệ “meim” là bẩm sinh, có tính di truyền và không bị tác động bởi môi trường; chẳng hạn như niềm tin và khả năng bao quát, trình độ xã hội lý thuyết tin nội dung. Theo ông, trí tuệ “meim” có chức năng phân tích các nhiệm vụ và các khả năng nhờ tổ chức logic và việc tạo ra, sử dụng các tổ hợp cũng thuộc về nội dung Trí tuệ “meim” quyết định trước hết tới khả năng thích ứng với các vấn đề môi trường và các tình huống môi trường.

Trí tuệ “kết tinh” bao hàm toàn bộ những khả năng, những năng lực mà con người học được

(2) Bùi Thị Ngọc Lan, *Nguồn gốc trí tuệ trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 21.
 (3) Sđd., tr. 13 – 14.
 (4) Phạm Thị Ngọc Trâm, *Trí tuệ – nguồn gốc và bản chất của sự phát triển xã hội*, Tạp chí Triết học, số 1, 3/1993.

(5) http://de.wikipedia.org/wiki_intelligenztheorie

trong toàn bộ cuộc đời và bộ quy định bởi một trường bên ngoài, do vậy giáo dục, nào ta và vai trò của những nhân tố chủ chốt ta nên nội dung của loại hình trí tuệ này. Đó chính là trí tuệ "kết tinh" cũng bộ quy định bởi trí tuệ "mềm" và hai loại trí tuệ này tồn tại trong một liên hệ mật thiết, không tách rời nhau. Do vậy, có thể nói trí tuệ "kết tinh" là "sản phẩm" do trí tuệ "mềm" và giáo dục, nào ta cùng nhau "sản xuất" ra. Ngoài ra, Cattell còn cho rằng, trí tuệ "kết tinh" phát triển chủ yếu từ năm 18 đến năm 20 tuổi, những cũng có thể kéo dài cho tới tận năm 50 tuổi.

Mô hình các yếu tố ở trẻ của Thurstone

Louis Leon Thurstone bác bỏ lý thuyết cho rằng có yếu tố trung tâm nằm trên các yếu tố khác của trí tuệ Ông nhận mình chỉ các lĩnh vực khác nhau ở trẻ ngang nhau của trí tuệ và coi trí tuệ là sự kết hợp các yếu tố khác nhau với một cách hữu cơ lại với nhau. Theo ông Thurstone đưa ra 7 yếu tố ở trẻ sau đây: 1) Khả năng nắm bắt không gian; 2) Năng lực tính toán; 3) Hiểu ngôn ngữ; 4) Khả năng nói, diễn đạt trôi chảy; 5) Trí nhớ; 6) Tốc độ xử lý; và 7) Tò mò logic.

Mô hình cấu trúc trí tuệ của Jaeger

Mô hình này của Adolf Otto Jaeger xây dựng năm 1984 tại Berlin nên nơi con người gọi tắt là mô hình Berlin. Jaeger đưa ra 7 bộ phận chủ yếu của trí tuệ như sau:

1. Tốc độ xử lý (tốc độ làm việc, khả năng tập trung và nắm bắt khi giải quyết những vấn đề phức tạp và có độ khó thấp)
2. Khả năng nhớ (có thể nhớ phức tạp lại nhanh chóng những tác động và phản ứng của người nói và biểu tượng)
3. Trí tưởng tượng phong phú (có thể sản sinh rất nhiều ý tưởng khác nhau và sử dụng rất nhiều thông tin, có thể thay đổi các mặt khác nhau, các khả năng và nguyên nhân khác nhau của nó)
4. Khả năng xử lý bậc cao (nói với các tổ hợp thông tin, các nhiệm vụ có mối quan hệ đa dạng, phức tạp, tò mò logic hình thức và khả năng phân tích hợp lý)
5. Tò mò gắn liền với ngôn ngữ (tổng cộng

với trình độ sử dụng ngôn ngữ)

6. Tò mò liên quan đến con số (khả năng tính toán hoặc nhớ các con số)

7. Tò mò bằng trực quan (liên quan tới các hình tượng, biểu tượng)

Theo Jaeger, trí tuệ nói chung phải bao gồm 7 bộ phận chủ yếu trên, những này không phải là những yếu tố cuối cùng mà chỉ đóng vai trò là "hạt nhân" của mô hình trí tuệ và do vậy, trong tổng thể có thể và cần phải bổ sung tiếp tục các yếu tố khác vào mô hình này.

Tuy vậy, các nhà nghiên cứu theo "lý thuyết về quá trình thông tin" lại với lý tưởng về các yếu tố cơ bản của trí tuệ có trong các mô hình lý thuyết của các tác giả mà chúng ta đã trình bày ở trên. Ở đây, những người này lại quan tâm chủ yếu đến các quá trình tiếp nhận và xử lý thông tin. Về cơ bản, họ hướng đến ba câu hỏi sau:

- Có các quá trình tiếp nhận loại nào?
- Quá trình nội diện ra như thế nào?
- Nội dung trên cơ sở tâm thần nào? (chẳng hạn như ngôn ngữ hình ảnh hay bằng các con số trừu tượng).

Mô hình ba lý thuyết về trí tuệ của Sternberg

Một trong những bài biểu rất quan trọng của trường phái "lý thuyết về quá trình thông tin" này là Robert Sternberg. Ông đưa ra mô hình ba lý thuyết về trí tuệ như sau:

1. *Lý thuyết bài kiểm tra:* Mỗi một người đều có một trí tuệ liên quan tới các thuộc tính và các thuộc tính. Chính loại trí tuệ này là cái làm cho con người có khả năng hoạt động với môi trường sống, như nói lời nói có thể ta đóng vai trò gì đối với các quan hệ xã hội hoặc ít nhiều môi trường của ta theo những các chuẩn mực văn hóa

2. *Lý thuyết kép:* Nhiều quan trọng nói với nghiên cứu về trí tuệ không chỉ là việc nắm bắt những các quá trình giải quyết vấn đề và kết quả của chúng, mà nhiều quan trọng nữa là phải nắm bắt những "tiến trình nội tâm" diễn ra của quá trình này vì nội dung của hành động hết sức quan trọng nói với kết quả của một "chiến lược giải quyết vấn đề" nào đó

3. *Ly thuyết (về) các bồi phần*: Sternberg phân biệt 5 bồi phần chính của quá trình tiếp nhận thông tin (bao gồm: a. Khả năng nhận thức trong tổng trường hợp cụ thể; b. Năng lực kiểm tra; c. Khả năng lưu giữ trong trí nhớ; d. Khả năng "lấy ra" thông tin từ trí nhớ; Năng lực chuyển giao thông tin).

Một trong những đóng góp quan trọng của Sternberg chính là việc mô hình hóa khái niệm trí tuệ. Theo lý trí tuệ bao hàm việc học tập từ kinh nghiệm, năng lực suy luận trừu tượng, khả năng thích ứng với môi trường năng thông xuyên biên giới, phát triển và lan rộng công nghệ (con người) nhất trí thời môi và năng lực môi nơi chung.

Ly thuyết trí tuệ của bồi theo quan niệm của Gardner

Howard Gardner cho rằng chúng ta không chỉ có một trí tuệ mà có nhiều trí tuệ tồn tại không phụ thuộc lẫn nhau và từ quan niệm này, ông đưa ra lý thuyết về trí tuệ của bồi. Mỗi một trí tuệ do một "khu vực" não lập trên các "phần trích" và các khu vực này hoạt động một cách độc lập với nhau và do vậy, khi một loại trí tuệ bị tổn thương thì nhiều não cũng không gây ra ảnh hưởng gì tới các loại trí tuệ khác.

Ngoài ra, Gardner còn phân rành hai lĩnh vực của trí tuệ là lĩnh vực trí tuệ cá nhân (bao gồm những trí thức về bản thân mình, sự chủ giác và những tình cảm và cách thức ứng xử của cá nhân...) và lĩnh vực trí tuệ liên cá nhân (liên quan tới trí thức về sự ứng xử giữa các cá nhân với

nhau, hay những phần nào, phần nào về những ứng xử của các cá nhân khác nhất trí nơi các cách thức ứng xử phù hợp...).

Tuy nhiên, lý thuyết trí tuệ của bồi của Gardner gặp phải nhiều chỉ trích, chẳng hạn như Detlef Rost đã phê phán lý thuyết này là chưa coi hết các kết quả nghiên cứu khoa học chứng minh.

Qua phần trình bày trên, chúng ta thấy vẫn còn rất nhiều mô hình lý thuyết và nhiều yếu tố khác nhau về trí tuệ - cái hiểu về con người và thể hiện các công nghệ, "sức mạnh" người. Và có thể khẳng định rằng, trong thời đại chúng ta, cuộc cạnh tranh khốc liệt đang diễn ra giữa các công quốc và giữa các quốc gia trong công nghệ thế giới và thời đại cũng là cuộc cạnh tranh về trí tuệ. Vì vậy, nhất là hành thành công sự nghiệp công nghiệp hay hiện nay hay nhất là không bỏ tuột hậu xa hơn về kinh tế chúng ta phải nhanh chóng nâng cao năng lực trí tuệ trình độ học vấn, kỹ năng và trình độ nghề nghiệp cho người lao động, nhất là đối với người lao động chất xám, phát huy tiềm năng trí tuệ của cá nhân.

Thiết nghĩ, nhất là cho người nhận thức nơi chung, người trí tuệ nơi riêng phúc lợi nhất là cho sự phát triển kinh tế - xã hội và trở thành năng lực thì phải kích thích nơi (trước hết thông qua khâu cơ bản là như cầu và lợi ích) và phải tạo nên một môi trường thuận lợi nhất (đảm bảo tự do, công bằng) cho các cá nhân và cho các công nghệ sáng tạo, công nghệ mới mới cao nhất.

